TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1.000/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-10-2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có **:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Bà Hoàng Thị Thành

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q: Bà *Nguyễn Thị Hoa Lý* - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 488/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị S - sinh năm: 1992

Địa chỉ: 1.155 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn H - sinh năm: 1989

Địa chỉ: tổ A, KV B, Phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10.5.2018 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Văn H tự nguyện tìm hiểu nhau thời gian khoảng 2 năm, sau đó đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 11.12.2015 tại UBND phường Đ, thành phố Q. Quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nặng nề nhất vào tháng 7 năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ việc anh H lâm vào các tệ nạn xã hội như hút cỏ, cờ bạc … thường xuyên kình cải lẫn nhau, mặc dù vợ chồng chị đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên chị và anh H đã ly thân từ tháng 8.2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống riêng.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: cháu Võ Anh T sinh ngày 15.6.2016, sức khỏe cháu bình thường, hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn chị xin nuôi cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Võ Văn H: không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai không được, xác minh tại địa phương, tống đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.*

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S về việc xin ly hôn anh Võ Văn H và được nuôi dưỡng con chung, tài sản chung không giải quyết; án phí chị S chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị S xin ly hôn anh H, còn anh H không đến Tòa làm việc trong quá trình giải quyết vụ án; Tòa án nhân dân thành phố Q đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần gửi giấy báo triệu tập, lấy lời khai không được của anh H, xác minh tại địa phương và thông báo về phiên hòa giải, phiên xét

xử cho anh H nhưng anh H đều không đến Tòa. Đây là trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tòa xét: Chị S và anh H kết hôn ngày 11.12.2015 tại UBND phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh H lâm vào các tệ nạn xã hội như hút cỏ, cờ bạc … thường xuyên kình cải lẫn nhau, vợ chồng chị đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên chị và anh H đã ly thân từ tháng 8.2017 cho đến nay. Là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh chị sống ly thân một thời gian dài, tình cảm, trách nhiệm đối với nhau không còn. Mặt khác, anh H không đến Tòa hòa giải, điều đó chứng tỏ anh H không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy nghĩa vụ giữa vợ chồng anh chị đã vi phạm nghiêm trọng làm cho hôn nhân không đạt được, chị S xin ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: ly hôn chị S xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Anh T sinh ngày 15.6.2016, sức khỏe cháu bình thường, hiện nay cháu đang ở với chị

Xét thấy: Lâu nay chị S vẫn trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu T dưới 36 tháng tuổi cần có mẹ bên cạnh, nên để bảo đảm cuộc sống cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Tòa không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: chị S không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

- Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa về nội dung phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S xin ly hôn anh Võ Văn H.

2. Về quan hệ con chung:

- Về việc nuôi con: Chị Trần Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Anh T sinh ngày 15.6.2016

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006446 ngày 17.5.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị S đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính tứ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường sở tại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Trần Đông Thiên